

TỜ TRÌNH

Về việc **thẩm định dự toán và tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện các nội dung công việc phục vụ xây dựng Kế hoạch Phòng chống thiên tai tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025**

Kính gửi: Sở Tài chính Quảng Trị

Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai năm 19/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 1061/QĐ-TTg ngày 01/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai”;

Căn cứ nhiệm vụ được UBND tỉnh Quảng Trị giao tại công văn số 1234/UBND-NN ngày 24/3/2020.

Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại văn bản số 1234/UBND-NN ngày 24/3/2020 (*sao gửi kèm theo*), Sở Nông nghiệp và PTNT đã hoàn thiện đề cương nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025.

Để có nguồn kinh phí triển khai thực hiện việc xây dựng Kế hoạch đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ được UBND tỉnh giao. Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình Sở Tài chính xem xét, thẩm định dự toán, trình UBND tỉnh Phê duyệt dự toán và bố trí kinh phí để triển khai thực hiện các nội dung công việc phục vụ xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, với các nội dung sau:

1. Tên nhiệm vụ: Xây dựng “Kế hoạch phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025”

2. Mục đích:

Xây dựng và ban hành Kế hoạch Phòng chống thiên tai tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025 phù hợp với thực tiễn địa phương và các hướng dẫn, quy định của pháp luật; lồng ghép vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 của tỉnh.

3. Nội dung thực hiện:

- Khảo sát thực tế, thu thập dữ liệu phòng, chống thiên tai.
- Phân tích, đánh giá, tổng hợp rủi ro thiên tai, xác định nguyên nhân, đề xuất giải pháp, xây dựng báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai.
- Xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021-2025.
- Biên tập bản đồ thông tin phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Trị năm 2020.

4. Đơn vị quản lý và tổ chức thực hiện: Chi cục Thủy lợi Quảng Trị (Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh Quảng Trị).

5. Phạm vi thực hiện: trên toàn tỉnh Quảng Trị.

6. Kinh phí thực hiện:

- Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ: **319.183.000 đồng** (*Ba trăm mười chín triệu, một trăm tám mươi ba nghìn đồng chẵn./.*)
- Nguồn kinh phí thực hiện: Đề xuất bố trí kinh phí thực hiện từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai.

(Đính kèm theo Đề cương, dự toán nhiệm vụ: Xây dựng “Kế hoạch phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025”)

Sở Nông nghiệp & PTNT kính đề nghị Sở Tài chính xem xét, thẩm định dự toán trình UBND tỉnh phê duyệt, bố trí kinh phí để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, CCTL.

GIÁM ĐỐC**Hồ Xuân Hòa**

Phụ lục:
ĐỀ CƯƠNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI
TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Tờ trình số: 200 /TTr-SNN ngày 06 tháng 7 năm 2020
của Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Trị)

I. CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;
- Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;
- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai;
- Căn cứ Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai”;
- Căn cứ nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại văn bản số 1234/UBND-NN ngày 24/3/2020.

II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Là một tỉnh thường xuyên phải đối mặt và chịu nhiều thiệt hại từ thiên tai, trong khi diễn biến thiên tai ngày càng phức tạp, khó lường, không theo quy luật như trước đây, tần suất tăng lên, cường độ mạnh hơn rõ rệt đặc biệt là trong bối cảnh Việt Nam là nước chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu.

Hàng năm, thiên tai làm ảnh hưởng đến hàng nghìn người, gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản xã hội và của Nhân dân. Theo số liệu thống kê, tổng giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh từ năm 1989 - 2019 là:

- Về người Chết: 242 người; Bị thương 888 người; dịch bệnh: 23.983 người.
- Về tài sản: Khoảng trên 11.000 tỷ đồng.

Vì vậy, để công tác Phòng chống thiên tai (PCTT) thực sự chủ động trong việc bố trí nguồn lực, phân công nhiệm vụ, phối hợp thực hiện giữa các cấp, ban, ngành; phù hợp với Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phục vụ hiệu quả công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả và tái thiết sau thiên tai, việc **xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025** là nhiệm vụ thật sự cần thiết, cần khẩn trương xây dựng và phê duyệt để triển khai thực hiện.

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA NHIỆM VỤ

1. Mục đích

Xây dựng và ban hành Kế hoạch Phòng chống thiên tai tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025 phù hợp với thực tiễn địa phương và các hướng dẫn, quy

định của pháp luật; lồng ghép vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) giai đoạn 2021-2025 của tỉnh.

2. Yêu cầu

Kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp tỉnh gồm các nội dung chính sau đây:

a) Đánh giá, cập nhật hằng năm về đặc điểm dân sinh, KTXH và cơ sở hạ tầng trong phạm vi quản lý;

b) Xác định, đánh giá rủi ro thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến hoạt động KTXH trong phạm vi quản lý;

c) Xác định nội dung và biện pháp phòng, chống thiên tai phù hợp với các cấp độ rủi ro thiên tai và loại thiên tai cụ thể nhằm giảm thiểu rủi ro thiên tai, chú ý khu vực nguy hiểm và các đối tượng dễ bị tổn thương;

d) Xác định phương pháp, cách thức lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;

đ) Xác định nguồn lực và tiến độ hằng năm và 05 năm để thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai;

e) Xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai.

IV. NỘI DUNG BẢN KẾ HOẠCH

Bản Kế hoạch PCTT giai đoạn 2021 – 2025 gồm 08 chương:

Chương I. Các căn cứ pháp lý để lập kế hoạch

Nêu đầy đủ các căn cứ pháp lý từ Trung ương đến địa phương

Chương II. Đặc điểm chung về tự nhiên, dân sinh, kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng chủ yếu

- Vị trí địa lý

Mô tả vị trí địa lý, diện tích, hướng tiếp giáp, ... của tỉnh. Từ đó sơ bộ đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong công tác phòng chống thiên tai.

- Đặc điểm địa hình, địa chất

Mô tả về cao độ chi tiết các khu vực miền núi, trung du, đồng bằng, ven biển, đặc biệt các vùng trũng thấp, vùng thường xuyên xảy ra ngập lụt; địa chất, độ dốc, thảm phủ vùng đồi núi xảy ra lũ quét, sạt lở đất; khu vực xói lở ven sông, suối, ...

- Đặc điểm khí tượng, thủy văn, hải văn (nếu có), tình hình thiên tai trên địa bàn

Các đặc điểm được thống kê theo trung bình tháng, mùa, năm bao gồm: về khí tượng (lượng mưa, nhiệt độ, bốc hơi), thủy văn (lượng nước trong các sông, hồ chứa, kênh mương), hải văn – đối với các tỉnh ven biển (gió mùa, bão, dòng

hải lưu, thủy triều). Đánh giá về đặc điểm thiên tai xuất hiện trong tỉnh, mô tả chi tiết về loại hình, độ lớn, tần suất xuất hiện, mức độ tác động.

- Đặc điểm dân sinh

Đặc điểm dân sinh được thống kê bao gồm: tổng dân số, mật độ, phân bố, đối tượng dễ bị tổn thương, dân tộc thiểu số, tỉ lệ hộ nghèo, hộ gia đình nằm trong vùng có nguy cơ cao ảnh hưởng của thiên tai (vị trí, nhà ở không an toàn), sinh kế chủ yếu.

- Đặc điểm kinh tế - xã hội

Mô tả hiện trạng các ngành kinh tế chủ yếu bị ảnh hưởng của thiên tai, định hướng phát triển KTXH của địa phương. Ngoài ra nêu sơ bộ về trình độ văn hóa, giáo dục, y tế, đặc điểm dân tộc, tập quán trong vùng.

- Đặc điểm cơ sở hạ tầng

Bao gồm hệ thống đường giao thông, mạng lưới điện, thông tin, truyền thông, hệ thống công trình cấp nước sạch, xử lý môi trường, hệ thống trường học, bệnh viện, ... chịu tác động của thiên tai cũng như các thách thức của hệ thống cơ sở hạ tầng trong công tác PCTT.

Lưu ý: Nội dung đánh giá chung cho toàn tỉnh, tuy nhiên tùy từng đặc điểm có thể đánh giá chi tiết đến cấp huyện, cấp xã. Địa phương đưa các bản đồ (nếu có) khi mô tả các đặc điểm trên để dễ phân tích, đánh giá và các cơ quan liên quan tiện theo dõi.

Chương III. Hiện trạng công tác phòng chống thiên tai

1. Hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách liên quan đến PCTT

Nêu hiện trạng thực thi và ban hành các văn bản pháp luật về phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn tỉnh. Đánh giá mức độ hiệu quả thực thi pháp luật, các cơ chế, chính sách về phòng chống thiên tai (PCTT) do địa phương cũng như Trung ương ban hành.

2. Hệ thống chỉ huy PCTT và TKCN các cấp và quy chế phối hợp

Tổ chức bộ máy của Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại các cấp. Đặc biệt nêu nguồn nhân lực, năng lực của các cán bộ của cơ quan Thường trực các cấp, đồng thời mô tả sơ bộ về cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Văn phòng Thường trực đảm bảo công tác phòng chống thiên tai trước mắt và lâu dài.

Các văn bản liên quan khác như phân công nhiệm vụ, quy chế phối hợp giữa các thành viên, các cơ quan liên quan trong PCTT cũng được đánh giá.

3. Công tác dự báo, cảnh báo sớm

Nêu thực trạng công tác dự báo, cảnh báo sớm tại địa phương thông qua cơ quan dự báo khí tượng thủy văn trong tỉnh/khu vực/trung ương về: mức độ chi tiết, độ chính xác, tính đầy đủ, liên tục, ngôn từ dễ hiểu, công cụ truyền tin,...

4. Phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ phòng chống thiên tai

Đánh giá về danh mục, số lượng, chất lượng, địa điểm, cơ quan quản lý, thẩm quyền huy động,... được sử dụng trong quá trình ứng phó với thiên tai. Đánh giá chung về cơ chế quản lý và sử dụng; khả năng đáp ứng hiện tại (kể cả huy động trong xã hội) và nhu cầu trong tương lai.

5. Công tác cứu hộ, cứu nạn

Đánh giá chung về năng lực của các cơ quan nòng cốt trong công tác cứu hộ, cứu nạn trong quá trình ứng phó thiên tai; sự tham gia của các tổ chức, cá nhân dân sự khác. Nội dung đánh giá bao gồm: nguồn nhân lực, trình độ chuyên môn, các trang thiết bị, phương tiện của lực lượng này.

6. Thông tin, truyền thông trong PCTT

Đánh giá hiện trạng hệ thống thông tin, truyền thông, cảnh báo thiên tai chung và riêng biệt (dùng riêng) tại địa phương. Mô tả khả năng tiếp nhận và truyền đạt thông tin từ Hệ thống PCTT các cấp đến người dân cũng như nhận thông tin từ Trung ương. Đánh giá hiện trạng hệ thống mạng internet, năng lực ứng dụng cũng như quản lý cơ sở dữ liệu PCTT tại địa phương.

7. Năng lực và nhận thức của cộng đồng trong PCTT

Được thể hiện thông qua việc chủ động của người dân trong quá trình PCTT; kết quả thực hiện các nội dung của Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng (Đề án 1002).

8. Đánh giá năng lực các cơ sở hạ tầng PCTT.

9. Đánh giá thực hiện lồng ghép nội dung PCTT trong các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch của các ngành, phát triển kinh tế - xã hội.

Đánh giá hệ thống văn bản chỉ đạo tại địa phương về nội dung lồng ghép, tình hình thực tế thực hiện lồng ghép trong các chương trình, dự án bao gồm cả thuận lợi và khó khăn.

10. Đánh giá về công tác phục hồi, tái thiết

Nội dung bao gồm: nêu hiện trạng công tác hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai (đánh giá thiệt hại và nhu cầu); thực thi chính sách hỗ trợ để phục hồi; sử dụng nguồn lực hỗ trợ khẩn cấp để sửa chữa (cơ sở hạ tầng, ổn định cuộc sống, sinh kế bền vững), thực hiện các dự án di dời, quy hoạch mới, ...tái thiết “tốt đẹp hơn” so với trước đây.

11. Nguồn lực tài chính

Đánh giá tất cả các nguồn lực tài chính đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp (thông qua nội dung lồng ghép) vào công tác PCTT.

Chương IV. Đánh giá rủi ro thiên tai

1. Phạm vi đánh giá: đánh giá trên phạm vi toàn tỉnh

Số liệu đánh giá các đối tượng bị tác động được thu thập trong vòng từ 5 đến 10 năm gần đây.

2. Phương pháp đánh giá

Thông qua hệ thống bảng đánh giá dựa vào các trận thiên tai xảy ra trong quá khứ, tác động đến con người, kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng, năng lực ứng phó, tình trạng dễ bị tổn thương. Cơ quan Thường trực cấp tỉnh gửi hệ thống bảng biểu thu thập số liệu và hướng dẫn cho cấp huyện, cấp xã phương pháp thu thập.

Phương pháp đánh giá ở giai đoạn cơ bản chi tiết đến cấp xã được thực hiện theo 5 bước sau:

+ Bước 1: Đánh giá độ lớn của từng loại hình thiên tai điển hình tại địa phương.

+ Bước 2: Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương.

+ Bước 3: Đánh giá năng lực.

+ Bước 4: Đánh giá mức độ rủi ro thiên tai.

+ Bước 5: Xác định rủi ro thiên tai trên bản đồ.

3. Nội dung đánh giá: đánh giá theo 5 Bước.

- Bước 1: Đánh giá độ lớn của thiên tai

Liệt kê các loại hình thiên tai điển hình: thường xuyên xuất hiện và có cường độ, mức độ, phạm vi tác động lớn trong khu vực đánh giá. Cường độ của thiên tai được chia ra làm 5 mức độ từ nhỏ đến lớn: nhỏ, trung bình, lớn, rất lớn và thảm họa tương ứng với từng cấp độ rủi ro từ cấp 1 lên cấp 5 theo quy định tại Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Tập trung đánh giá các loại hình thiên tai điển hình theo gồm: Lũ, ngập lụt, bão, ATNĐ, nước dâng, hạn hán, nắng nóng, xâm nhập mặn, xói lở bờ sông, bờ biển, mưa lớn.

- Bước 2: Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương

Mức độ tổn thương của mỗi đối tượng được đánh giá tương ứng với các cấp độ khác nhau của từng loại hình thiên tai được phân ra làm 3 mức: tình trạng dễ bị tổn thương thấp, trung bình và cao. Tình trạng dễ bị tổn thương phụ thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh tại khu vực đánh giá như: vị trí, cơ sở vật chất, tổ chức xã hội, nhận thức, ...

- Bước 3: Đánh giá năng lực

Đánh giá năng lực PCTT phải bao gồm đầy đủ các khía cạnh sau: năng lực ban hành và thực thi các văn bản hướng dẫn, thi hành pháp luật, cơ chế chính sách liên quan tại địa phương; năng lực dự báo; lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, vật tư; năng lực và nhận thức của cán bộ làm công tác PCTT và người dân; năng lực công trình PCTT tại địa phương và nguồn lực tài chính.

- Bước 4: Đánh giá mức độ rủi ro thiên tai

Để đánh giá mức độ rủi ro cho từng đối tượng tương ứng với từng loại hình thiên tai tại địa phương sử dụng các kết quả ở Bước 2 và Bước 3. Cấp độ rủi ro thiên tai càng lớn nếu tình trạng dễ bị tổn thương càng lớn trong trường hợp năng lực hạn chế và có thể giảm bớt được cấp độ rủi ro thiên tai ở những khu vực dễ bị tổn thương này bằng cách tăng cường năng lực.

Do đó cấp độ rủi ro thiên tai tỉ lệ thuận với tình trạng dễ bị tổn thương và tỉ lệ nghịch với năng lực.

- Bước 5: Xác định rủi ro thiên tai trên bản đồ

Sử dụng bản đồ hành chính của địa phương để mô tả cấp độ rủi ro đối với từng đối tượng tương ứng với từng loại hình thiên tai được mô tả ở Bước 4.

Toàn bộ nội dung đánh giá rủi ro thiên tai được thực hiện và đưa ra sản phẩm cuối cùng là báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh.

Chương V. Các biện pháp phòng chống thiên tai

Sau khi xác định được rủi ro đối với từng đối tượng (con người, dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng) theo các cấp độ thiên tai trên địa bàn tỉnh, tiến hành xác định nội dung và biện pháp PCTT theo cấp độ rủi ro đó.

1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu

a. Biện pháp chung

Mục tiêu của kế hoạch là đưa ra các biện pháp nhằm giảm thiểu thiệt hại về người, sinh kế, nhà ở, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng do thiên tai gây ra, bao gồm hai nhóm biện pháp:

- Nhóm biện pháp phi công trình
- Nhóm biện pháp công trình

b. Biện pháp cụ thể

Biện pháp cụ thể ngoài các biện pháp chung đã đề cập ở trên cho các loại hình thiên tai và áp dụng chung cho các đối tượng bị ảnh hưởng. Các biện pháp công trình trong phần này liệt kê lại nhóm các biện pháp công trình đã trình bày ở trên nhưng chia theo loại hình thiên tai.

c. Trách nhiệm của các Sở, ngành trong biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu

Xác định trách nhiệm cụ thể của các Sở, ngành trong biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu

- Sở Nông nghiệp và PTNT
- Sở Công thương
- Sở Giáo dục và Đào tạo
- Sở Lao động Thương binh và xã hội

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
- Sở Tài nguyên và Môi trường
- Sở Xây dựng
- Sở Giao thông Vận tải
- Sở Thông tin và truyền thông
- Lực lượng cứu hộ, cứu nạn (Quân đội, Công an, Dân quân tự vệ)
- Sở Kế hoạch và Đầu tư
- Sở Tài chính
- Các Sở ngành, tổ chức chính trị, xã hội khác

2. Biện pháp ứng phó

a. Phân công, phân cấp trách nhiệm ứng phó với từng cấp độ rủi ro

Xây dựng văn bản phân công, phân cấp trách nhiệm ứng phó với từng cấp độ rủi ro thiên tai cho cấp xã, huyện, tỉnh theo quy định tại Nghị định 160/2018/NĐ-CP từ Điều 7 đến Điều 11.

b. Nhiệm vụ của các Sở, ngành

Xây dựng văn bản phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh và chức năng, nhiệm vụ của từng sở, ngành liên quan để giao trách nhiệm.

c. Xác định nguồn lực của địa phương, sở ngành

Nguồn lực ứng phó thiên tai của tỉnh được xác định thông qua số liệu đánh giá năng lực trong phần đánh giá rủi ro thiên tai. Phần này bổ sung chi tiết nguồn lực chuẩn bị của các ngành tham gia trong quá trình ứng phó, khắc phục hậu quả. Các nguồn lực này được thu thập từ các Sở, ngành, cơ quan liên quan.

d. Nhiệm vụ ứng phó với từng cấp độ rủi ro thiên tai

Xây dựng nhiệm vụ cụ thể để ứng phó với các loại hình thiên tai theo từng cấp độ rủi ro

3. Tổ chức khắc phục hậu quả, tái thiết

a. Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu

Xây dựng các hoạt động cụ thể để thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu

b. Thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ

Xác định các nhiệm vụ để thực hiện thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ

c. Xây dựng tái thiết

- Căn cứ vào nội dung ở Mục b xác định các nhiệm vụ để phục hồi, tái thiết.

Chương VI. Lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai

1. Phương pháp lồng ghép

Xây dựng phương pháp lồng ghép

Dựa vào nội dung đánh giá rủi ro thiên tai (Chương IV) đã xác định được mức độ rủi ro tại địa phương nào (xã, huyện), ngành/lĩnh vực nào chịu tác động tương ứng với cấp độ rủi ro của từng loại hình thiên tai và các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu (Chương V), từ đó xác định được nội dung lồng ghép.

a. Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến con người và sinh kế;

b. Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến các ngành kinh tế;

c. Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến cơ sở hạ tầng.

2. Cách thức lồng ghép

Các bước lồng ghép nội dung PCTT vào trong quy hoạch, kế hoạch ngành, kinh tế xã hội được hướng dẫn tại Điều 4 của Thông tư 05/2016/TT-BKHĐT. Tại địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn các ngành, địa phương trong tỉnh phương pháp lồng ghép.

a. Lập, rà soát lồng ghép nội dung PCTT trong các quy hoạch, kế hoạch ngành, KTXH

b. Danh sách các dự án đã lồng ghép

Lập danh sách các dự án đã lồng ghép

c. Xác định các dự án đề xuất lồng ghép trong quy hoạch, kế hoạch (dự án mới)

Rà soát, bổ sung để đưa vào trong các quy hoạch, kế hoạch chưa có nội dung lồng ghép phòng chống thiên tai tại các ngành và địa phương.

Chương VII. Xác định nguồn lực và tiến độ thực hiện

Sau khi lập được bảng danh sách các chương trình / dự án, xác định nguồn lực và thứ tự ưu tiên để triển khai thực hiện; xác định các công trình tương ứng với các nguồn vốn đầu tư.

Các chương trình, đề án, dự án được lập trên cơ sở đề xuất của các sở, ngành, đoàn thể và UBND các huyện, thành phố, thị xã.

Chương VIII. Xác định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

1. Trách nhiệm xây dựng kế hoạch

Sở Nông nghiệp và PTNT giao Chi cục Thủy lợi (Văn phòng Thường trực BCH) là đơn vị Thường trực phối hợp với các đơn vị, địa phương thực hiện xây dựng kế hoạch.

2. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch

Căn cứ trên kế hoạch PCTT đã được UBND tỉnh phê duyệt, Tổ soạn thảo xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết, trong đó phân định rõ vai trò và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân có liên quan chủ trì và phối hợp thực hiện.

3. Rà soát kế hoạch

Xây dựng các quy định về rà soát kế hoạch.

4. Theo dõi, đánh giá

Xác định đơn vị chủ trì việc theo dõi, giám sát và đánh giá trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch PCTT.

5. Kế hoạch PCTT hàng năm

Xây dựng khung Kế hoạch PCTT hàng năm dựa trên kế hoạch 5 năm.

V. CÁC SẢN PHẨM KÈM THEO BẢN KẾ HOẠCH

1. Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 – 2025.

(Nội dung Bản Kế hoạch được phê duyệt theo mục IV như trên)

2. Biên tập Bản đồ thông tin Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Trị năm 2020.

Rà soát, sử dụng lại một số dữ liệu liên quan đến bản đồ hành chính, địa hình, ... (file số). Bản đồ thể hiện được một số nội dung sau:

- Ranh giới quốc gia, tên quốc gia;
- Các lớp hành chính, ranh giới hành chính tỉnh, huyện, xã;
- Vị trí khu neo đậu tàu thuyền; công suất neo đậu;
- Thống kê số lượng tàu thuyền, công suất tàu thuyền;
- Vị trí các đài thông tin duyên hải, trạm bờ;
- Các trạm quan trắc khí tượng thủy văn;
- Các điểm thường xuyên bị chia cắt, cô lập khi lũ lớn;
- Các điểm vùng an toàn khi có bão mạnh, siêu bão và lũ lớn;
- Bảng thống kê các khu vực ngập lụt ...

VI. CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN THAM VẤN Ý KIẾN, CHUYỂN GIAO SẢN PHẨM

1. Lấy ý kiến và trình phê duyệt

a. Gửi dự thảo Kế hoạch lấy ý kiến của các địa phương, đơn vị liên quan trong tỉnh

- Xin ý kiến bằng văn bản gửi về cho Tổ soạn thảo.

b. Hiệu chỉnh, bổ sung, hoàn thiện sản phẩm theo các ý kiến góp ý

- Tổng hợp những vấn đề bất cập, còn thiếu để bổ sung, chỉnh sửa.
- Hoàn thiện sản phẩm.

c. Họp giải trình tiếp thu và lấy ý kiến

- Tổ chức hội thảo báo cáo kết quả Kế hoạch PCTT và giải trình tiếp thu, chỉnh sửa;

- Trình phê duyệt.

2. Sản phẩm bàn giao

- Kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025;

- Bản đồ thông tin Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Trị 2020 treo ở Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN.

3. Chuyển giao kết quả

- Tổ chức công bố Kế hoạch, tập huấn, chuyển giao sản phẩm bản đồ cho Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh.

- Chuyển giao Kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương, đơn vị liên quan.

VII. ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ, THỜI GIAN, NGUỒN VỐN, HÌNH THỨC THỰC HIỆN

1. Đơn vị chủ quản: Sở Nông nghiệp & PTNT

2. Đơn vị chủ trì (Chủ đầu tư): Chi cục Thủy lợi Quảng Trị

3. Thời gian thực hiện: đến 31/12/2020

4. Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách nhà nước, ngân sách tỉnh, Quỹ PCTT tỉnh.

5. Hình thức thực hiện: Theo các quy định hiện hành về thực hiện dịch vụ sự nghiệp công.

6. Kinh phí dự kiến: 319.183.000 (Ba trăm mười chín triệu, một trăm tám mươi ba nghìn đồng).

(Chi tiết tại phụ lục 2 đính kèm theo)